

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-ST

Ngày 11-9-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Nhung, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - chức vụ: Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 59/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S), sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Kiều Thị L: Bà Vy Thị Thúy N, sinh năm 1996. Địa chỉ: B G, Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T: Bà Vy Thị Thúy N, sinh năm 1996. Địa chỉ: B G, Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Vy Thị Thúy N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Kiều Thị L trình bày:

Bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S) và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Văn Q có quan hệ quen biết thông qua việc buôn bán làm ăn và là ngư ời sống cùng địa phương với nhau.

Do quen biết nên bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã nhiều lần mượn tiền của bà Kiều Thị L với tổng số tiền là 504.400.000đồng (Năm trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng), mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng , lấy vốn phục vụ việc làm ăn , mua bán đất đai,.... Cụ thể: Vào ngày 10/7/2020, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 mượn của bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S) số tiền 30.000.000đồng; Ngày 11/3/2021, bà L1 tiếp tục mượn thêm 30.000.000 đồng; Ngày 06/4/2021, bà L1 nói đang gặp khó khăn về kinh tế và cần có vốn phục vụ công việc làm ăn nên có mượn thêm số tiền 70.000.000 đồng; Ngày 07/4/2021 bà L1 tiếp tục hỏi mượn thêm số tiền 30.000.000 đồng. Các lần vay mượn tiền của bà L thì bà L1 đều có ký tên, ghi rõ họ tên của bà vào giấy mượn tiền.

- Ngày 01/12/2021, bà L1 có mượn thêm của bà L số tiền 100.000.000 đồng. Để tạo lòng tin bà L1 có viết cho bà L “Giấy mượn tiền”. Theo giấy mượn tiền này thì bà L1 có để lại cho bà Kiều Thị L 01 cà vẹt xe SH Mode màu đỏ nâu, mang biển số 47M1-63977, nếu không trả đủ số tiền này cho bà Kiều Thị L thì bà L1 sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Nhưng sau đó, bà L1 đã liên hệ bà L kể khổ để bà L trả lại cà vẹt xe cho bà L1 để bà L1 xử lý công việc rồi sẽ đưa lại , nhưng bà L1 đã lấy cà vẹt xe và bán xe cho người khác, số tiền bán được bà L1 không trả cho bà L.

Sau đó, bà L1 còn nhiều lần nói có khó khăn không xoay sở được và cần tiền gấp nên có mượn tiền bà L thêm nhiều lần nữa , mỗi lần như vậy bà L lại thông qua tài khoản ngân hàng của con gái bà L là chị Võ Thị Thanh T, số tài khoản 0181003480328 mở tại Ngân hàng A đã chuyển đến số tài khoản của bà Nguyễn Thị Mỹ L1, số tài khoản: 22505337 tại Ngân hàng A nhiều lần từ ngày 02/6/2022 đến ngày 21/10/2022 với tổng số tiền là 214.400.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu , bốn trăm nghìn đồng) cho bà L1.

- Vào ngày 07/8/2022, bà L1 tiếp tục mượn thêm số tiền là 30.000.000 đồng. Việc bà L1 vay mượn số tiền này của bà L thì bà L1 cũng có ký tên, ghi rõ họ tên của bà vào giấy mượn tiền;

Các lần vay mượn tiền của bà L thì bà L1 đều viết và ký giấy nhận nợ cho bà L. Lúc vay mượn tiền của bà L thì ông Quốc c của bà L1 cũng có trực tiếp nhận số tiền này từ bà L nhưng không có ký vào giấy tờ. Bà L đã nhiều lần gặp trực tiếp bà L1, ông Q và yêu cầu bà L1, ông Q trả tiền cho bà nhưng bà L1, ông Q trốn tránh không trả. Do quyền, lợi ích hợp pháp của bà L bị xâm phạm nên bà L đã làm đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Văn Q đến Tòa án.

Căn cứ để bà L khởi kiện là dựa vào các giấy ghi nợ thể hiện việc bà L1 có mượn tiền của bà L (tên thường gọi là S). Bà L1 đã viết và ký tại mục người viết “L1, Nguyễn Thị Mỹ L1”. Tổng số tiền mà bà L (S1) đã đưa cho bà L1 vay mượn theo các giấy ghi nợ thể hiện tổng cộng là 290.000.000đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Các lần mượn tiền trên thì chỉ có lần mượn tiền ngày 07/8/2022 bà L1 đã trả được cho bà L 10.000.000đồng, còn lại bà L1 chưa trả. Tổng số tiền bà L1 chưa trả cho bà L là 280.000.000đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng); Đối với số tiền mà bà L1 mượn của

bà L thông qua giao dịch chuyển khoản cho bà L1 là 214.400.000đồng, thời gian chuyển khoản từ ngày 02/6/2022 đến ngày 21/10/2022 thì số tiền này do bà Võ Thị Thanh T (con gái bà L) là người trực tiếp chuyển khoản, không phải bà L chuyển khoản.

Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu ông Q phải có trách nhiệm cùng bà L1 trả tiền cho bà. Nhưng tại các giấy ghi nợ thể hiện thời điểm bà L1 mượn tiền của bà L thì ông Nguyễn Văn Q không tham gia vào việc vay mượn, ông Q không có ký vào các giấy ghi nợ. Do đó, bà L không yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trả nợ cho bà L. Bà Kiều Thị L cũng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 214.400.000đồng (Hai trăm mười bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) mà bà L cho bà L1 mượn thông qua giao dịch chuyển khoản (người chuyển là bà Võ Thị Thanh T) và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đồng mà bà L1 đã trả cho bà L. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này nữa.

Nguyên vọng của bà Kiều Thị L là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải trả cho bà Kiều Thị L tổng số tiền gốc đã vay là 280.000.000đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Bà L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

** Tại bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn Q khai: Tôi với bà Nguyễn Thị Mỹ L1 là vợ chồng, bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S) là người sống ở cùng xã với vợ chồng tôi.*

Trong quá trình sinh hoạt và làm ăn của gia đình tôi thì vợ tôi bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có vay mượn tiền của ai không thì tôi hoàn toàn không biết, tôi không được thông báo và người cho bà L1 mượn tiền trong đó có bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S) cũng không thông báo cho tôi biết trước khi đưa tiền cho bà L1 mượn. Số tiền bà L1 mượn dùng vào mục đích gì tôi cũng hoàn toàn không biết, số tiền vay mượn, thời gian vay mượn tôi cũng hoàn toàn không biết. Do đó với nội dung mà bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S) khởi kiện “Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải trả cho bà Kiều Thị L số tiền gốc đã vay là 290.000.000đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Bà L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên”. Thì tôi đề nghị Tòa án xem xét buộc bà L1 trả tiền cho bà L theo quy định.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng bà không đến để làm việc. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Nguyễn Thị Mỹ L1.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho các đương sự được. Do đó căn cứ Điều 203, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải

quyết vụ án. Quá trình làm việc cùng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung:* Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị L (tên gọi khác S). Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải có trách nhiệm trả cho bà Kiều Thị L số tiền gốc đã vay là 280.000.000đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị L đối với số tiền 224.400.000đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) mà bà Kiều Thị L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải trả nữa.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị L đối với ông Nguyễn Văn Q. Ông Nguyễn Văn Q không phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trả cho bà Kiều Thị L số tiền đã vay tổng cộng là 280.000.000đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn vào đơn khởi kiện của bà Kiều Thị L (tên gọi khác S), Hội đồng xét xử xác định đây là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Văn Q đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về sự tham gia của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1 theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị L (tên gọi khác S) đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải có trách nhiệm trả cho bà Kiều Thị L số tiền gốc đã vay là 280.000.000đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Kiều Thị Long cung c1 cho Tòa án các giấy mượn tiền mà bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã viết cho bà. Cụ thể tại các Giấy mượn tiền trong đó: ngày 11/3/2021 bà L1 mượn của bà S với số tiền 30.000.000 đồng, bà L1 đã viết và ký cho bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S) tại mục “Lê, Nguyễn Thị

Mỹ L1; ngày 10/7/2020 bà L1 mượn của bà S với số tiền 30.000.000 đồng, bà L1 đã viết và ký cho bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S) tại mục “Lệ, Nguyễn Thị Mỹ L1; Giấy mượn tiền vào ngày 06/4/2021 bà L1 mượn của bà S với số tiền 70.000.000 đồng và ngày 07/4/2021 bà L1 mượn của bà S với số tiền 30.000.000 đồng, bà L1 đã viết và ký cho bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S) tại mục “Lệ, Nguyễn Thị Mỹ L1; Giấy mượn tiền đề ngày 01/12/2021 của bà Nguyễn Thị Mỹ L1 mượn của bà S, với số tiền 100.000.000 đồng. Bà L1 đã viết và ký tại mục người viết “Lệ, Nguyễn Thị Mỹ L1”; Giấy mượn tiền đề ngày 07/8/2022 bà L1 mượn của bà S với số tiền 30.000.000 đồng, bà L1 đã viết và ký cho bà Kiều Thị L (tên thường gọi là S) tại mục “Lệ, Nguyễn Thị Mỹ L1. Tổng số tiền mà bà L (S1) đã đưa cho bà L1 vay mượn theo các giấy này thể hiện tổng cộng là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Các lần mượn tiền trên thì chỉ có lần mượn tiền vào ngày 07/8/2022 bà L1 đã trả được cho bà L số tiền 10.000.000 đồng, còn lại bà L1 chưa trả. Tổng số tiền bà L1 chưa trả cho bà L là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã được Tòa án triệu tập để đến Tòa án cung cấp lời khai nhưng bà đều không đến làm việc. Vì vậy nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ “*mẫu chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Mỹ L1*” tại Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh Đ - Phòng G nơi bà L1 mở tài khoản Ngân hàng và bà L có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với: “chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Mỹ L1 tại các giấy mượn tiền dưới mục “Lệ, Nguyễn Thị Mỹ L1” trong các giấy mượn tiền đã được bà Nguyễn Thị Mỹ L1 viết và ký cho bà Kiều Thị L thời gian vào các ngày: 10/7/2020, 11/3/2021, 06/4/2021, 07/4/2021, 01/12/2021, 07/8/2022 có phải là do một người “bà Nguyễn Thị Mỹ L1 viết và ký tên không”. Tòa án đã Trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật. Tại Kết luận giám định số 818/KL-KTHS ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Mỹ L1 trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Mỹ L1 trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3, **do cùng một người ký và viết ra.**

Xét thấy, việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ theo cam kết giữa hai bên thì bên vay là bà L1 vẫn không trả tiền đã vay cho bà L. Như vậy, bà L1 đã vi phạm thời hạn trả nợ vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó bà Kiều Thị L đã khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Mỹ L1 là có cơ sở.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

* *Về lãi suất:* bà Kiều Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị L. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải có trách nhiệm trả cho bà Kiều Thị L số tiền đã vay tổng cộng là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

[2.2] Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, phía nguyên đơn bà Kiều Thị L thừa nhận: thời điểm bà L1 mượn tiền của bà L theo các giấy ghi nợ thể hiện ông Nguyễn Văn Q (chồng bà L1) không tham gia vào việc vay mượn, ông Q không có ký vào các giấy ghi nợ. Do đó, bà L không yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trả nợ cho bà L. Và bà L rút yêu cầu khởi kiện của bà đối với ông Q, không yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trả số tiền 280.000.000đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) cho bà. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị L đối với ông Nguyễn Văn Q, không buộc ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trả số tiền 280.000.000đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) cho bà L.

[2.3] Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, bà Kiều Thị L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 214.400.000đồng (Hai trăm mười bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) mà bà L cho bà L1 mượn thông qua giao dịch chuyển khoản (người chuyển là bà Võ Thị Thanh T) và bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) mà bà L1 đã trả cho bà L. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tổng số tiền 224.400.000đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) này nữa. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 224.400.000đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[3] Về chi phí trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn bà Kiều Thị L (do bà Vy Thị Thúy N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu): Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Kiều Thị L đã nộp số tiền 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng) chi phí cho việc Trưng cầu giám định “chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị Mỹ L1” theo yêu cầu của yêu cầu của nguyên đơn (do người đại diện theo ủy quyền của bà L nộp thay), chi phí này đã được chi phí xong.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải hoàn trả lại tiền chi phí giám định cho nguyên đơn bà Kiều Thị L với số tiền là 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng).

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn bà Kiều Thị L. Căn cứ khoản 2 Điều 385 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn bà Kiều Thị L phải chịu toàn bộ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.500.000đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 3.500.000đồng nguyên đơn đã nộp tại Tòa án và đã được Tòa án chi phí xong.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải chịu 14.000.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. (Theo mức tính: 280.000.000 đồng x 5% = 14.000.000 đồng).

Nguyên đơn bà Kiều Thị L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 03/2023/TB-TA ngày 01 tháng 3 năm 2023 nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Kiều Thị L.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị L.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải có trách nhiệm trả cho bà Kiều Thị L số tiền đã vay tổng cộng là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày án ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải chịu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị L về việc bà Kiều Thị L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 224.400.000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Bà Kiều Thị L được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị L đối với ông Nguyễn Văn Q. Ông Nguyễn Văn Q không phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trả cho bà Kiều Thị L số tiền đã vay tổng cộng là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

4. Về chi phí trưng cầu giám định: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải hoàn trả lại tiền chi phí giám định cho nguyên đơn bà Kiều Thị L với số tiền là 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng).

5. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Kiều Thị L phải chịu 3.500.000đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, được khấu trừ vào 3.500.000đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải chịu 14.000.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. (Theo mức tính: 280.000.000 đồng x 5% = 14.000.000 đồng).

Bà được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 03/2023/TB-TA ngày 01 tháng 3 năm 2023 nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Kiều Thị L.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh

